

Bản án số: 40/2021/HS-ST

Ngày: 09-03-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Châu Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

2. Ông Huỳnh Vĩnh Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Huỳnh Thùy T, sinh năm 2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (Học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Huỳnh Thị Minh N; bị cáo chưa có chồng con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 20/11/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lâm Văn L, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu vực Qui Thạnh 1, phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (Học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lâm Văn Đ (chết) và bà Huỳnh Thị Kim C; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 19/11/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Những người tham gia tố tụng:

- Bị hại: Bà Võ Thị T, sinh năm 1951: địa chỉ: 197B quốc lộ 22, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Huỳnh Thị Minh N, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp T, xã Tân T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Chị Danh Bích P, sinh ngày 07/11/2002; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/11/2020, bị cáo L cùng với bạn gái là chị Danh Bích P đến nhà bị cáo T chơi thì bị cáo T rủ bị cáo L tham gia dàn cảnh hù dọa bà T để cướp vàng bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài. Tuy nhiên, chị P phản đối, ngăn cản và không đồng ý nên chị P bỏ về nhà, còn bị cáo L ở lại và đồng ý. Bị cáo T nói bị cáo L lấy 01 con dao Thái Lan tại nhà bị cáo T, hù cho bà T ngắt xiu và lấy tài sản. Bị cáo T kêu xe grab để chờ bị cáo L thực hiện xong và cùng bỏ trốn. Đến khoảng 16 giờ 30 phút bị cáo L cầm dao đi vào cửa sau nhà bà T, khi bà T vừa mở cửa đi ra thì bị cáo L cầm dao kê vào cổ bà T và kêu bà T tháo vàng trên người đưa cho bị cáo L. Bà T truy hô “Cướp” nên bị cáo L bỏ con dao xuống đất và dùng tay phải bịt miệng bà T nhưng bà T đã cắn vào ngón thứ tư bàn tay phải của bị cáo L làm cho rách da, chảy máu. Nghe tiếng truy hô của bà T, quần chúng xung quanh chạy qua hỗ trợ giữ bị cáo L lại, đồng thời báo Công an xã Tân Thông Hội xử lý.

Bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi trong cáo trạng nêu, do không có tiền để trả nợ nên vào ngày 18/11/2020, bị cáo T nhắn tin trên Messenger của facebook rủ bị cáo L dàn cảnh hù dọa bà ngoại của bị cáo T là bà Võ Thị T để cướp lấy vàng cho T trả nợ nhưng L không đồng ý, ngày 19/11/2020 bị cáo T rủ bị cáo L nhưng bị cáo L không đồng ý và lúc này cũng có chị Danh Bích P nhưng chị P không đồng ý và bỏ về. Sau đó bị cáo L ở lại và đồng ý thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng nêu. Việc bị cáo và bị cáo L bàn với nhau vấn đề gì, có thực hiện hành vi phạm tội hay thực hiện khi nào thì chị P không biết.

Bị cáo L thừa nhận toàn bộ hành vi trong cáo trạng nêu, do không có cách giúp bị cáo T trả nợ nên đồng ý giúp bị cáo T dọa bà T lấy vàng để cho bị cáo T có tiền trả nợ, mục đích chỉ dọa lấy tiền, không ý định gây thương tích cho bà T, bị cáo bị bà T cắn nhưng không gây thương tích gì, bị cáo không yêu cầu gì về thương tích. Việc bị cáo và bị cáo T bàn với nhau vấn đề gì, có thực hiện hành vi phạm tội hay thực hiện khi nào thì chị P không biết.

Người bị hại bà T vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai trong hồ sơ thể hiện: Ngày 19/11/2020 bà bị bị cáo L dùng dao đe dọa lấy tài sản nhưng chưa lấy được, sau đó gia đình bị cáo L và bị cáo T có bồi thường tổn thất về tinh thần

số tiền 10.000.000 đồng cho bà, bà không yêu cầu gì khác và yêu cầu bãi nại cho hai bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N vắng mặt nhưng hồ sơ thể hiện: Con dao mà bị cáo L dùng để đe dọa bà T và đang bị thu giữ là của bà, bà không biết bị cáo L lấy con dao dùng thực hiện hành vi phạm tội, bà không có yêu cầu gì về con dao.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Danh Bích P trình bày: Ngày 19/11/2020 bị cáo T rủ bị cáo L dọa bà T để lấy vàng nhưng chị và bị cáo L không đồng ý, chị có căn ngăn ý định của bị cáo T và bỏ về, thời điểm đó chị không biết bị cáo T và bị cáo L có thực hiện hành vi phạm tội hay không cũng không biết thực hiện khi nào ở đâu.

Tại bản cáo trạng số: 39/CT-VKS.CC ngày 26/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố các bị cáo Nguyễn Huỳnh Thùy T và Lâm Văn L về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 15, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Thùy T mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 15, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lâm Văn L mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Về dân sự: Người bị hại không yêu cầu.

Vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu tiêu hủy con dao, tịch thu nộp ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động.

Tại phiên tòa các bị cáo trình bày lời nói sau cùng đã thấy được hành vi của mình là sai trái mong được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ đối với các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

Qua diễn biến tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy có cơ sở xác định: Khoảng 16

giờ 30 phút ngày 19/11/2020, tại ấp Trung, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo L dùng dao đe dọa cướp tài sản của bà T nhưng chưa lấy được tài sản thì bị bắt quả tang. Bị cáo T là người rủ bị cáo L dàn cảnh đe dọa cướp tài sản của bà T.

Hành vi của các bị cáo đã phạm tội Cướp tài sản, phạm vào điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố các bị cáo là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội chẳng những xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến tinh thần, tính mạng, sức khỏe của người khác. Hành vi của các bị cáo gây mất trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống sinh hoạt của mọi người tại địa phương. Khi thực hiện hành vi các bị cáo nhận thức được rằng hành vi của mình là sai trái, phạm pháp. Song các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội chỉ vì động cơ riêng của các bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý các bị cáo bằng một hình phạt nghiêm khắc là phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo chưa lấy được tài sản của người bị hại thì bị bắt giữ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 15, Điều 57 Bộ luật hình sự khi xem xét hình phạt cho các bị cáo.

Trong vụ án này bị cáo T là người rủ rê, bị cáo L là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử xem xét hình phạt đối với hai bị cáo ngang nhau là phù hợp.

Hành vi của các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm nên không xem xét hành vi phạm tội có tổ chức.

Đối với chị P được bị cáo T rủ thực hiện hành vi đe dọa cướp tài sản nhưng chị P phản đối và bỏ về, chị P không biết bị cáo T và bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội và thực hiện vào thời điểm nào ở đâu không thuộc trường hợp Che dấu tội phạm và Không tố giác tội phạm quy định tại Điều 18, 19, 389, 390 Bộ luật hình sự.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết tăng nặng: Không

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã khai báo thành khẩn trong quá trình điều tra làm rõ vụ án cũng như tại phiên tòa và trong lời nói sau cùng thể hiện các bị cáo đã có sự ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại có đơn xin bãi nại cho các bị cáo, hành vi của các bị cáo chưa gây thiệt hại về vật chất cho người bị hại và thiệt hại về tinh thần không lớn. Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo phần nào về hình phạt.

[3] Về thực hiện hoạt động tố tụng: Qua diễn biến phiên toà cũng như kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử chưa ghi nhận có việc khiếu nại hoặc phản ánh tại phiên toà về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Quá trình điều tra, truy tố các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền do luật định.

[4] Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

Vật chứng vụ án thu được là:

01 (một) dao hiệu KIWI Brand dài 23 cm (cán gỗ dài 11 cm, lưỡi kim loại dài 12 cm) của bà N, bà N không biết bị cáo L dùng để thực hiện hành vi phạm tội, bà không yêu cầu nhận lại, không có ý kiến gì, Hội đồng xét xử xét cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động màu đỏ hiệu OPPO A3S, số sim 0708250214, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động màu xanh hiệu Samsung A21, số sim 0945736124, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo T và bị cáo L liên quan đến việc phạm tội nên Hội đồng xét xử xem xét tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; luật phí và lệ phí năm 2015; nghị quyết số 326/2016/HĐTVQH14 khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án để buộc các bị cáo phải chịu khoản tiền chi phí tố tụng hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Huỳnh Thùy T và Lâm Văn L phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 15, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Thùy T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 20/11/2020.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 15, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lâm Văn L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 19/11/2020

[2] Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) dao hiệu KIWI Brand dài 23 cm (cán gỗ dài 11 cm, lưỡi kim loại dài 12 cm).

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động màu đỏ hiệu OPPO A3S, số sim 0708250214, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động màu xanh hiệu Samsung A21, số sim 0945736124.

[3] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; luật phí, lệ phí năm 2015, nghị quyết 326/2016/HĐTVQH14 khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án,

Án phí hình sự sơ thẩm buộc các bị cáo Nguyễn Huỳnh Thùy T, Lâm Văn L, mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

[4] Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Riêng người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- THADS huyện Củ Chi;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Châu Trinh

